|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| **THÀNH** **PHỐ HỒ CHÍ MINH** |  |

Số: 4306/2022/QĐST-HNGĐ *TP*.*Thủ Đức, ngày 29 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 212; 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83; 84; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bô ̣luât Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

dân sựnăm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2667/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2000

Thường trú: Xóm 7, xã Hải Lý, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Cư trú: 32/18 Đường 22, khu phố 4, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1993

Thường trú: Xã Hải Chính, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Cư trú: Tổ 3 ấp 2, thị xã Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước .

# NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/11/2022.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T1 thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018 ngày 28/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nam Định).
2. Về con chung: Giao con chung Phạm Thảo N, sinh ngày 10/9/2019 cho ông Phạm Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) vào ngày 10 của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Văn T1, nếu bà Nguyễn Thị T chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bà Nguyễn Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

1. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
2. Về nợ chung: Các đương sự tự xác định không có.
3. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T1 phải chịu.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

# QUYẾT ĐỊNH:

1. / Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
	* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T1 thuận tình ly hôn.
	* Về con chung: Giao con chung Phạm Thảo N, sinh ngày 10/9/2019 cho ông Phạm Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) vào ngày 10 của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Văn T1, nếu bà Nguyễn Thị T chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bà Nguyễn Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

* + Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
	+ Về nợ chung: Các đương sự tự xác định không có.
1. / Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn T1 phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông T1, bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2022/0006477 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1, bà T đã nộp đủ lệ phí.
2. / Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** TAND TP.HCM;
* VKSND TP.Thủ Đức;
* Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
* Đương sự;
* UBND xã A, huyện B, tỉnh Nam Định;
* Lưu: Hồ sơ việc dân sự.
 | **THẨM PHÁN****(đã ký)****Trần Nguyên Hà** |